TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

- Bản án số: **28/**2018/DS-ST;
- Ngày: 19/01/2018
- V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Tài**;
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  + Ông: **Nguyễn Trung Trực**
  + Ông: **Trương Hoàng Hoa**
- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Hòa Hợp** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X không tham gia phiên tòa:*

Ngày 19 tháng 01năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 391/2017/TLST-DS ngày 10/10/2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2017/QĐXXST-DS ngày 05/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 398/2017/QĐST-DS ngày 18/12/2017, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2018/QĐST-DS ngày 02/01/2018 và Thông báo tiếp tục phiên tòa dân sự sơ thẩm số 12/TB-TA ngày 05/01/2018 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1.<u>Nguyên đơn:</u> Dương Tốt A, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang

2.<u>Bị đơn</u>: Dương Thị B, sinh năm 1964

Nguyễn Văn C, sinh năm 1961

***** *<u>Người đại diện theo ủy quyền của ông B:</u>* **Dương Thị B, sinh năm 1964**

Cùng địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang

(Ông A và bà C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, qua hòa giải, nguyên đơn Dương Tốt A trình bày*:

Ngày 15/11/2016, ông Nguyễn Văn C và bà Dương Thị B vay của ông số tiền 72.000.000 đồng. Vợ chồng ông B hứa trong 06 tháng sẽ trả lại số tiền này. Tuy nhiên, ông đã nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông B không trả tiền. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Dương Thị B trả cho ông số tiền là 72.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi đối vối số tiền gốc 72.000.000 đồng với lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 15/11/2016 đến ngày 15/8/2017 là 09 tháng với số tiền 6.480.000 đồng, tổng cộng 78.480.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Khi cho vay tiền, chỉ có anh và bà C, sau đó anh có báo cho ông B biết là bà C vay số tiền 72.000.000 đồng, ông B cũng không có ý kiến gì. Khi cho vay, hai bên không thỏa thuận lãi suất vì các bên có thỏa thuận nếu bà C không trả tiền thì anh sẽ lấy 12 mét đất. Khi cho vay thì đưa bà C 72.000.000 đồng làm một lần, khi bà C viết xong giấy biên nhận giao cho ông thì đã có tẩy xóa. Lý do lúc đầu bà C vay 20.000.000 đồng nhưng ghi giấy xong thì bà C hỏi vay thêm 70.000.000 đồng nữa là 90.000.000 đồng nhưng ông chỉ có tiền và đưa thêm 52.000.000 đồng nên đưa tất cả 72.000.000 đồng nên bà C sửa giấy biên nhận từ 20.000.000 đồng lên thành 72.000.000 đồng và bà có nói "*tôi trả hết cho chứ không phải không trả đâu mà sợ*" và đưa giấy cho ông giữ, việc bà C ghi giấy biên nhận là tự nguyện và ghi đúng số tiền vay, ông không ép buộc bà C ghi. Bà C không đồng ý đây là chữ do bà sửa và viết thì bà có quyền trưng cầu giám định cũng như đi xác minh những người biết việc cho vay này, ông cũng không yêu cầu giám định phần chữ bị sửa chữa vì bà C cho rằng không phải chữ bà viết thì bà có nghĩa vụ chứng minh trong khi bà thừa nhận giấy biên nhận 15/11/2016 do bà viết và ký tên Dương Thị B. Chữ ký Nguyễn Văn C trong giấy biên nhận nhận tiền ngày 15/11/2016, bà C nói rằng là chữ ký của ông B ký rồi nên đưa cho ông, ông nghĩ là chữ ký ông B chứ thật sự có phải chữ ký ông B hay không thì ông không rõ.

**** Tại bản tự khai, qua hòa giải, bị đơn Dương Thị B đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C trình bày:***

Cuối năm 2016, bà có vay của ông A 15.000.000 đồng nhưng ông A bắt bà ghi giấy nhận tiền là 20.000.000đồng, trong đó 5.000.000 đồng dư là sẽ trừ vào lãi suất. Tuy nhiên, hàng tháng bà vẫn đóng lãi 1.600.000 đồng, nhưng cũng không thấy ông A trừ số tiền 5.000.000 đồng. Tháng 10/2017, bà nhận được giấy triệu tập của Tòa án thì mới phát hiện sự gian dối trong cách ghi thêm vào tờ giấy mượn tiền mà bà đã ký nhận trước mặt ông A. Lúc bà nhận 15.000.000 đồng nhưng ông A bảo ghi chẵn 20.000.000 đồng để khấu trừ lãi suất, khi khởi kiện ông A lại thêm số 7 đứng phía trước số 2, điều này dễ phát hiện là không ai ghi 7 chấm 2 rồi tiếp theo là số 0. Nếu viết tắt cho gọn thì 72 triệu, chứ mắc chi lại ghi 7.20, như vậy thì chỉ có 7 triệu

200 ngàn đồng hay sao, tức là 7,2 triệu đồng. Ông A còn ghi thêm số 1 trước số 2 m đất.

Vì lẽ trên, vợ chồng bà không có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền 78.000.000 đồng vì ông A đã ghi khống giấy mượn tiền. Vì vậy không có cơ sở để bà thực hiện nghĩa vụ trả cho ông A số tiền 20 triệu đồng, việc giao kết xem như vô hiệu. Chữ ký họ tên Nguyễn Văn C trong giấy biên nhận này do bà ký thay cho ông B vì ông A bắt viết giấy vay 20.000.000 đồng và ghi tên ông B luôn rồi đưa cho ông A giữ luôn đến nay thì làm sao ông B có thể ký được.

Khi vay tiền ông A, bà vay một lần và đưa đủ 15.000.000 đồng chứ không vay 72.000.000 đồng, nhưng ông A bắt phải bà viết biên nhận là 20.000.000 đồng, bà đóng lãi được 3 tháng, mỗi tháng 1.600.000 đồng, lãi 8%/tháng, khi đóng lãi không có giấy tờ. Bà vay 15.000.000 đồng để làm vốn mua bán rau cải, vì thời điểm nầy gần đến tết 2016, việc này chồng của bà là ông B cũng biết và sau này ghi giấy nợ 20.000.000 đồng thì ông B cũng đồng ý. Nay bà không đồng ý trả 72.000.000 đồng vốn và tiền lãi cho ông A.

Tại phiên tòa sơ thẩm

Ông A trình bày: ông không yêu cầu giám định chữ viết viết thêm trong giấy biên nhận nợ, ông xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: ông chỉ yêu cầu bà C và ông B trả số tiền vay 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà C không đồng ý trả số tiền 20.000.000 đồng vì khi khởi kiện ông A không kiện yêu cầu vợ chồng bà trả 20.000.000 đồng mà kiện yêu cầu trả số tiền 72.000.000 đồng, nay ông A thay đổi yêu cầu khởi kiện nên bà không đồng ý trả số nợ 20.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Dương Tốt A cùng bà Dương Thị B, ông Nguyễn Văn C thỏa thuận vay tài sản (tiền) với nhau, hai bên đã giao nhận xong, do bà C, ông B vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông B và bà C trả lại số tiền đã vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; do các đương sự hiện đang cư trú, sinh sống tại ấp M, xã N, huyện X nên Tòa án nhân dân huyện X có thẩm quyền giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông A, Hội đồng xét xử nhận thấy: ông A có đơn khởi kiện yêu cầu bà C, ông B trả số tiền vay 72.000.000 đồng và tiền lãi, căn cứ khởi kiện là giấy nhận tiền ngày 15.11.2016 âm lịch do bà Dương Thị B viết. Tại phiên tòa, ông A không yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết thêm trong giấy biên nhận nhận nợ ngày 15.11.2016 và xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: ông A chỉ yêu cầu ông B và bà C trả số tiền vay 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi của số tiền này và yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét thấy, bà C không thừa nhận vợ chồng bà có vay của ông A 72.000.000 đồng nên không đồng ý trả mà chỉ thừa nhận vay số tiền 15.000.000 đồng nhưng bị ông A buộc bà viết giấy nợ là vay của ông A 20.000.000 đồng, trong đó vốn 15.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền lãi, sau đó bà có đóng lãi tiền lãi trong 03 tháng, mỗi tháng 8% là 1.600.000 đồng. Lời trình bày của bà C không được phía ông A thừa nhận. Xét thấy, giấy nhận tiền ngày 15/11/2016, ghi nhận nội dung ông Nguyễn Văn C có vay của ông A số tiền 20.000.000 đồng, bà C thừa nhận giấy biên nhận này là do bà C viết và ký tên Dương Thị B đồng thời ký tên thay ông Nguyễn Văn C, riêng phần sự tẩy xóa, sửa chữa, cụ thể: thêm số "7" trước số "20 triệu đồng" và gạch bỏ chữ "mươi" và ghi thêm chữ "bảy" trước chữ "hai triệu đồng" thì không phải bà C gạch xóa, viết thêm. Tại phiên tòa, ông A không yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết thêm trong giấy biên nhận nhận nợ ngày 15.11.2016 và xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: ông A chỉ yêu cầu ông B và bà C trả số tiền vay 20.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi của số tiền 20.000.000 đồng này. Đây là sự tự nguyện của đương sự, sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông A không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét thấy, tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà C thừa nhận giấy nhận tiền ngày 15.11.2016 do bà viết khi nhận tiền của ông A, chữ ký họ tên Dương Thị B trong giấy nhận tiền do bà ký, đồng thời bà có viết, ký tên thay họ tên ông Nguyễn Văn C. Việc bà C trình bày chỉ vay ông A 15.000.000 đồng nhưng bà phải ghi trong giấy biên nhận nợ là vay 20.000.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền lãi, việc này không được phía ông A thừa nhận, bà C cũng không có chứng cứ chứng minh trong số tiền vay 20.000.000 đồng, bà C chỉ nhận 15.000.000 đồng còn 5.000.000 đồng là ghi khống tiền lãi trong khi bà cũng thừa nhận giấy này do bà C viết và ký tên, khi viết giấy biên nhận nợ bà không có bị ông A ép buộc, đe dọa viết số tiền vay là 20.000.000 đồng. Mặt khác, ông A cũng trình bày lúc đầu bà C vay 20.000.000 đồng và viết giấy nợ vay 20.000.000 đồng. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 03/11/2017, ông B cũng thừa nhận ông A, bà C cũng có báo cho ông biết việc bà C vay của ông A số tiền 20.000.000 đồng nhưng chữ ký họ tên Nguyễn Văn C trong giấy biên nhận là không phải của ông. Nhận thấy, bà C và ông B là vợ chồng, việc bà C vay ông A số tiền 20.000.000 đồng ông B cũng biết và đồng ý với việc vay số tiền này, việc bà C vay số tiền này để làm vốn mua bán rau cải nhằm phát sinh lợi nhuận, có thêm thu nhập để phục vụ sinh hoạt, chi tiêu chung cho gia đình nên việc

ông A khởi kiện yêu cầu ông B cùng có nghĩa vụ với bà C trả số tiền trên cho ông là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, buộc ông Nguyễn Văn C và bà Dương Thị B cùng có nghĩa vụ trả số tiền này cho ông A là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án tại thời điểm xét xử và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi: ông A không yêu cầu tính lãi đối với số nợ 20.000.000 đồng, Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về thời gian trả nợ: ông A yêu cầu bà C và ông B trả số nợ trên làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bà C và ông B thỏa thuận vay số tiền trên trong 06 tháng kể từ ngày 15.11.2016 trả lại nhưng đến nay vẫn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay trong hợp đồng vay tài sản nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông A, buộc bà C và ông B trả số tiền trên làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tốt A**

Bà Dương Thị B và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Dương Tốt A số tiền vốn vay 20.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu ông B và bà C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Ông B và bà C phải liên đới chịu 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*);

- Hoàn lại cho ông A số tiền 1.962.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 35819 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Tài